

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/12/2024)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 1-5mm, có nơi trên 10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao, sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 10%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 41%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến <5mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 22%, sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 42%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ <5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy xấp xỉ so với TBNN.
- Trên các sông thuộc hệ thống Thái Bình, mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn 23% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ là 8%.
- Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tuần qua biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 2%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: : Phổ biến <5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN là 28%.
- Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam ít biến đổi so với kì

trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo ở mức thấp hơn TBNN 6%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ ở mức xấp xỉ hơn TBNN.

- Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 2%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa, phía Bắc Nghệ An: 1-5mm, Nam Nghệ An và Hà Tĩnh 20-50mm, riêng phía Nam Hà Tĩnh: 100-150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 18%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 23%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn hơn khoảng 70%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 11%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến <5mm, riêng Hà Tĩnh 10-30mm, có nơi trên 40mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 13%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 20%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 41%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: 150-400mm, có nơi trên 500mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có dao động và tăng cao vào những ngày cuối tuần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 98%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 114%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 42%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc (Quảng Bình-Đà Nẵng) 30-70mm, có nơi trên 150mm; phía Nam (Quảng Nam-Quảng Ngãi) 100-150mm, có nơi trên 200mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, dòng chảy trên các sông có dao động và giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 44%, sông Thu Bồn ở mức cao hơn 68%, sông Trà Khúc cao hơn 23%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: khu vực Nam Trung Bộ: 150-250mm, có nơi trên 300mm; riêng Ninh Thuận, Bình Thuận 50-100mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trên các sông từ Bình Định đến Khánh Hòa đã xuất hiện một đợt dao động. Hạ lưu sông Ba mực nước dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở mức trung bình. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 88%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 86%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 166%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 68%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 86%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 40-80mm, có nơi trên 150mm

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN <23% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng >82% so với TBNN.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 15-30mm, riêng phía Đông 250-450mm, có nơi trên 450mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Mực nước sông Krông Ana đang lên, các sông khác phổ biến dao động theo điều tiết của các hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở mức tương đương và tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 31%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 15-30mm, có nơi trên 50mm

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông dao động ở mức tương đương so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông

Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 47%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Miền Đông phổ biến 15-30mm, có nơi trên 70mm; miền Tây 30-70mm, có nơi trên 90mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: miền Đông 5-15mm, miền Tây 15-30mm, có nơi trên 50mm

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, với xu thế giảm dần. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN khoảng 5% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 30%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/12/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/12/2024

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo							So sánh TBNN (%)	
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7		Tổng
Miền núi phía Bắc	Tam Đường	0	<100	0	0	0	0	0	0.1	0	0.1	<99
	Sơn La	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lào Cai	0	<71	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Yên Bái	2.1	<74	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Tuyên Quang	2	<26	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hà Giang	3.8	<90	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Cao Bằng	1.1	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lạng Sơn	0	<96	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Bắc Giang	0.3	<89	0	0	0	0	0	0	0	0	<88
	Quảng Ninh	0.5	<36	0.3	0	0	0	0	0	0	0.3	<100
	Láng	3	>11	0	0	0	0	0	0	0	0	<44
	Thái Bình	5.1	<81	1.3	0	0	0	0	0	0	1.3	<69
	Nam Định	1.1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0
	Hòa Bình	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	0.4	<93	0	0	0	0	0.3	0	0	0.3	<89
	Vinh	32.7	>11	0	0	3.4	0	0.3	0.2	0.2	4.1	<80
	Hà Tĩnh	125.3	>163	4.2	0	6	4.7	0.7	0.3	1.4	17.3	<62
Trung Trung Bộ	Huế	361.2	>236	3.6	3	5.7	8.6	4.7	27.3	19.5	72.4	<37
	Quảng Ngãi	93.2	<10	60.1	15.6	11.2	12.4	15.1	16.2	17.6	148.2	>114
Nam Trung Bộ	Nha Trang	150.8	>158	37.7	2.1	0.3	1	0.6	0.4	1.3	43.4	<15
Tây Nguyên	Kon Tum	0.6	<82	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Buôn Mê Thuột	11.8	>2	7.6	1.6	0.3	0.2	0.2	0.3	0.5	10.7	>301
Nam Bộ	Biên Hòa	23.3	>85	9	0	0	0.2	0.1	0.1	0	9.4	>71
	Cần Thơ	31.4	>46	12.6	1.3	0	0.3	0	0	0	14.2	>104

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/12/2024

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	382	<3	43	44	45	43	44	44.0	44	308	<28
Thao	Yên Bái	141	<10	24	22	20	18	18	17.0	16	135	<22
Lô	Tuyên Quang	91	<41	14	13	13	13	12	13.0	13	90	<42
Cầu	Gia Bảy	19.4	>23	2.68	2.57	2.42	2.26	2.16	2.0	1.99	16.1	<6
Lục Nam	Chũ	3.63	>8	0.45	0.45	0.42	0.42	0.42	0.4	0.39	2.96	~TBNN
Hồng	Hà Nội	619	<2	82.5	87	91.6	100	105	95.9	91.6	653	>2
Mã	Cẩm Thủy	129	> 18%	17.7	16.5	16.7	17.7	16.5	16.3	16.51	118	> 13%
Cả	Yên Thượng	140	< 23%	19.5	18.2	18.4	19.5	18.2	18.0	18.2	130	< 20%
La	Hòa Duyệt	101	> 70%	12.3	11.4	11.6	12.3	11.4	11.3	11.4	81.6	> 41%
Tả Trạch	Thượng Nhật	31.2	> 98	5.6	3.9	3.5	2.6	2.2	2.4	2.6	31.2	> 98
Thu Bồn	Nông Sơn	841	> 114	225	128	79	58.8	53.6	51.8	58.8	22.8	> 44
Trà Khúc	Sơn Giang	387	> 42	112	63.5	33.5	27.6	25.9	27.6	32.4	655	> 68
Ba	Cung Sơn	64.1	<74	86.4	51.8	25.9	9.94	8.64	7.3	5.62	322.8	> 23
Cái N,T	Đông Trảng	123	>166	30.2	15.6	8.64	7.34	5.62	4.8	4.15	76.3	>82
ĐăkBlá	KonTum	10.2	< 81	1.45	1.43	1.48	1.31	1.24	1.4	2.06	10.3	< 82
Srêpôk	Giang Sơn	67.3	< 31	18.3	20.3	22	21.2	20.3	19.3	18.14	140	> 47
Tiên	Tân Châu			849	846	829	824	816	805	797	5764	> 5
Hậu	Châu Đốc			91	95	102	111	97	95	85	682	< 30